

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)
TIẾNG ANH 9 – TUẦN 5 (04/10/2021 đến 08/10/2021)

Hoạt động 1: Unit 3 – READ – WRITE	
NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<u>Nội dung 1: READ</u> <u>@New words :</u> - exchange (a) trao đổi - outside (pre) bên ngoài - to begin- began- begun bắt đầu - maize (n) = corn ngô, bắp - grocery store (n) gian hàng thực phẩm - baseball (n) bóng chày - to help giúp đỡ - to feel- felt- felt cảm thấy - to do chores (v) làm việc nhà - to enjoy - > enjoyable (a) thưởng thức - feed – fed – fed (v) : cho ăn - kilometer (n) kilômét - to grow- grew- grown trồng, mọc - > beginning (n) sự bắt đầu - part- time bán thời gian - nearby (a) lân cận - column (n) cột, mục - > helpful (a) = useful hữu ích - state (n) tiểu bang -Member (n) : thành viên - as soon as : ngay khi	- Học sinh biết được cách đọc từ vựng, nghĩa của từ và cách sử dụng từ trong câu trong bài Read trang 25
<u>Nội dung 2: WRITE</u> - passage (n) đoạn văn - to entitle (v) mang tựa đề - to put- put- put down lấy ra, dọn ra - to lay- laid- laid bày ra - hurriedly (adv) vội vã - to catch- caught- caught bắt đuổi kịp - to write- wrote- written viết - site (n) = place nơi - blanket (n) tấm trải - blind man buff bịt mắt bắt dê - to gather (v) = to collect gom, nhặt - to run - ran- run chạy	-Xem tranh, phân tích các hoạt động trong tranh trong bài write / 26,27 -Hiểu và sử dụng được các cụm từ trong sách tiếng anh 9 trang 26,27
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học (Học sinh viết câu trả lời vào ô trống dưới đây)	
NỘI DUNG	HỌC SINH TRẢ LỜI
<u>Nội dung 1:</u> a. HS dịch bài đọc sang tiếng Việt viết vào tập: sgk Tiếng Anh 9 trang 25 b. Complete the summary. Use information from the passage. (Hoàn thành bài tóm tắt. Dùng thông tin ở đoạn văn.) sgk Tiếng Anh 9 trang 26	
<u>Nội dung 2:</u> Viết đoạn văn chủ đề “ A country picnic”. Học sinh viết theo gợi ý trong sách giáo khoa trang 26,27	

TIẾNG ANH 9 – TUẦN 6 (11/10/2021 đến 15/10/2021)

Hoạt động 1: ÔN TẬP CÂU WISH	
NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
1. Wish Clause với thì QKD và modal verb 2. Prepositions of time + on : dùng cho ngày + in : tháng, năm + up to / till : cho đến + at : giờ + before : trước + after : sau -Review Vocabulary unit 3 3.Adverb clauses of result: so (vì thế) => Dùng để nối 2, 3 mệnh đề trong câu.	-Diễn tả một mong ước không có thật trong hiện tại Ex1 : I am not good at English. =>I wish I was/were good at English. Ex2: Mary can't swim. =>Mary wishes she could swim. - On, at, in, for, till, after, up to, before - Vocabulary unit 3 - Cách sử dụng So (nối 2 câu trở lên) - Ôn tập lại từ vựng unit 3
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học	
<u>Nội dung 1:</u> <u>I. Học sinh nhìn tranh phần 1 trang 28,29. Viết câu wish</u> <u>II. Work with a partner:</u> Look at Mr Thanh's itinerary for his business trip to Singapore. Complete the sentences. Use the prepositions in the box. (học sinh điền giới từ vào phần 2 trang 30)	<u>I. What do these people wish? Write the sentences.</u> a. Ba wishes he could have a new bicycle. b. Hoa wishes she could visit her parents. c. I wish I could pass the exam. d. We wish it couldn't rain. e. He wishes he could fly. f. They wish they could stay in Hue. II. A. at. B. on C. between D. up to E. till F. to
<u>Nội dung 2:</u> <u>III. Complete the sentences with ON, AT, IN, FOR :</u> (học sinh điền giới từ ON, AT, IN, FOR : vào phần 3 trang 30) <u>IV. Match the half-sentences. Then write the fill sentences in your exercise book.</u> (Học sinh nối cột A và B sao cho phù hợp)	III. A. on B. at / in C. in D. for E. in F. at IV. 1-e 2-a 3-d 4-b 5-c